

Bài 30. Thực hành

SO SÁNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ VỚI TÂY NGUYÊN

1. Căn cứ vào số liệu trong bảng thống kê sau :

Bảng 30.1. Tình hình sản xuất một số cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ, năm 2001

Tây Nguyên	Trung du và miền núi Bắc Bộ
Tổng diện tích : 632,9 nghìn ha, chiếm 42,9% diện tích cây công nghiệp lâu năm cả nước.	Tổng diện tích : 69,4 nghìn ha, chiếm 4,7% diện tích cây công nghiệp lâu năm cả nước.
Cà phê : 480,8 nghìn ha, chiếm 85,1% diện tích cà phê cả nước ; 761,6 nghìn tấn, chiếm 90,6% sản lượng cà phê (nhân) cả nước	Chè : 67,6 nghìn ha, chiếm 68,8% diện tích chè cả nước ; 47,0 nghìn tấn, chiếm 62,1% sản lượng chè (búp khô) cả nước.
Chè : 24,2 nghìn ha, chiếm 24,6% diện tích chè cả nước ; 20,5 nghìn tấn, chiếm 27,1% sản lượng chè (búp khô) cả nước.	Cà phê : mới trồng thử nghiệm tại một số địa phương với quy mô nhỏ.
Cao su : 82,4 nghìn ha, chiếm 19,8% diện tích cao su cả nước ; 53,5 nghìn tấn, chiếm 17,1% sản lượng cao su (mủ khô) cả nước.	Hối, quế, sơn : quy mô không lớn.
Đỗ : 22,4 nghìn ha, chiếm 12,3% diện tích đỗ cả nước ; 7,8 nghìn tấn, chiếm 10,7% sản lượng đỗ cả nước.	
Hồ tiêu : quy mô nhỏ.	

a) Cho biết những cây công nghiệp lâu năm nào trồng được ở cả hai vùng, những cây công nghiệp lâu năm nào chỉ trồng ở Tây Nguyên mà không trồng được ở Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

b) So sánh sự chênh lệch về diện tích, sản lượng các cây chè, cà phê ở hai vùng.

2. Viết báo cáo ngắn gọn về tình hình sản xuất, phân bố và tiêu thụ sản phẩm của một trong hai cây công nghiệp : cà phê, chè.